

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/DS-PT

Ngày: 09-7-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 27/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 190/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2024/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Phi T, sinh năm: 1980; cư trú tại số G, đường T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Duy Kim L, sinh năm: 1976, bà Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm: 1979; cư trú tại số I, thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1965, cư trú tại số A, đường H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 07/6/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nghiêm Xuân L1, sinh năm: 1965; cư trú tại thôn T, xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C - Bị đơn.

(*Ông T, ông B có mặt tại phiên tòa; ông L, bà C, ông L1 vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn ông Đặng Phi T trình bày:* Vào ngày 10/4/2023 vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có vay của ông số tiền là 4.180.000.000 đồng (Bốn tỷ một trăm tám mươi triệu đồng). Vợ chồng ông L, bà C hẹn đến ngày 10/5/2023 sẽ trả lại cho ông số tiền này. Khi vay tiền vợ chồng ông L, bà C có viết giấy mượn tiền, ký xác nhận vào giấy mượn tiền. Mục đích ông L, bà C vay là để mua đất, trong giấy mượn tiền không thỏa thuận lãi suất những hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng miệng 1%/1 tháng. Ông L, bà C chưa trả được cho ông nợ gốc và lãi suất. Quá thời hạn trả nợ ông đã yêu cầu ông L, bà C trả nợ cho ông rất nhiều lần nhưng ông L, bà C thường xuyên tránh mặt và không nghe điện thoại. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà C có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 4.180.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 10/4/2023 cho đến nay.

Qua ý kiến trình bày của ông L, bà C trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án thì ông không đồng ý. Do quen biết nên trước đó ông có cho vợ chồng ông L, bà C vay tiền rất nhiều lần. Các khoản nợ cũ hai bên đã tính toán ông L, bà C đã trả xong. Hiện nay ông L, bà C chỉ còn nợ ông khoản nợ mới là khoản nợ ngày 10/4/2023 với số tiền 4.180.000.000 đồng. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà C có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 4.180.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 10/4/2023 cho đến nay. Trường hợp nếu ông L, bà C chứng minh được từ ngày 10/4/2023 vay khoản nợ này mà ông L, bà C đã chuyển trả cho ông được bao nhiêu tiền thì ông đồng ý trừ vào khoản nợ 4.180.000.000 đồng cho ông L, bà C. Việc vợ chồng ông L, bà C trình bày không nhận số tiền 4.180.000.000 đồng là không đúng sự thật. Ông L, bà C có vay tiền và có nhận tiền thì mới ký xác nhận vào giấy mượn tiền ngày 10/4/2023. Nay ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nêu trên.

- *Bị đơn ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C trình bày:* Từ tháng 01/2022 đến tháng 9/2022 vợ chồng ông bà có vay tiền của ông Đặng Phi T nhiều lần tổng cộng lại là 2.000.000.000 đồng. Ngày 09/9/2022, vợ chồng ông bà có vay thêm của ông T là 1.000.000.000 đồng, nhưng thực tế vợ chồng ông bà chỉ nhận từ ông T 850.000.000 đồng vì vợ chồng ông bà trả cho ông T 150.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng vợ chồng ông bà có vay của ông T 3.000.000.000 đồng. Lãi suất vay 3.000đồng/1.000.000đồng/ngày tức là 9%/tháng, 108%/năm (hai bên chỉ thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất, không ghi giấy tờ gì). Trong thời gian vay

tiền của ông T thì vợ chồng ông bà đã trả được cho ông T tổng cộng là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) gồm cả tiền nợ gốc và tiền lãi suất. Do vợ chồng ông bà khó khăn vì chưa chuyển nhượng được đất nên không có tiền trả nợ cho ông T nên đến ngày 10/4/2023 giữa vợ chồng ông bà và ông T có chốt nợ lại là vợ chồng ông bà có nợ ông T 4.180.000.000 đồng, ông T yêu cầu ghi giấy mượn tiền thì vợ chồng ông bà đã ghi và ký vào giấy mượn tiền ghi ngày 10/4/2023 vì vợ chồng ông bà đang nợ tiền ông T. Số tiền 4.180.000.000 đồng là do ông T cộng tiền nợ gốc và lãi suất nên thành số tiền này. Ngày 10/4/2023 vợ chồng ông bà không có nhận số tiền này bằng tiền mặt.

Nay qua yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu vợ chồng ông bà có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền nợ gốc 4.180.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 10/4/2023 cho đến nay thì vợ chồng ông bà không đồng ý. Vợ chồng ông bà có ý kiến như sau: Yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo quy định 20%/năm của khoản tiền 3.000.000.000 đồng nợ gốc tính theo từng đợt của các khoản vay cho đến nay trừ vào khoản tiền 2.000.000.000 đồng ông bà đã chuyển khoản cho ông T theo bảng kê còn dư bao nhiêu thì tính vào tiền nợ gốc của khoản nợ 3.000.000.000 đồng. Tính toán xong số tiền nợ gốc mà vợ chồng ông bà còn nợ cụ thể tiền nợ gốc thì vợ chồng ông bà có trách nhiệm trả cho ông T. Hiện nay vợ chồng ông bà đang xin sao kê số tiền chuyển khoản tại ngân hàng, vợ chồng ông bà sẽ về tính toán lại số tiền cụ thể vợ chồng ông bà đã trả cho ông T và sẽ nộp lại cho Tòa án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hôm nay 28/8/2023. Ngoài ra vợ chồng ông bà không trình bày gì thêm.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nghiêm Xuân L1. Tuy nhiên ông L1 có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc và vắng mặt tất cả các phiên toà xét xử của Toà án. Ông L1 đề nghị Toà án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2024/DS-ST ngày 27/02/2024, Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Phi T. Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Phi T số tiền 3.975.000.000 đồng (Ba tỷ chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng) nợ gốc.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 70/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/6/2023 của Toà án nhân dân huyện Đức Trọng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngày 03/4/2024 bị đơn vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông T và ông B đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm, đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm ông T và ông B đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Cụ thể, bị đơn vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Phi T số tiền 3.775.000.000 đồng, đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông Đặng Phi T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có nghĩa vụ trả cho ông số tiền nợ gốc 4.180.000.000 đồng và tiền lãi suất 20%/năm, tính từ ngày 10/4/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn ông L, bà C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C thì tại phiên tòa hôm nay, ông T và ông B đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó, bị đơn vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Phi T số tiền 3.775.000.000 đồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội và không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nên công nhận.

[3] Từ những phân tích trên, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự.

[4] Về án phí:

Buộc bị đơn ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho ông Đặng Phi T.

Do sửa bản án sơ thẩm nên vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C, sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Vợ chồng ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Phi T số tiền 3.775.000.000đ (Ba tỷ bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 70/2023/QĐ-BPKCTT ngày 20/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về án phí:

Buộc bị đơn ông Trần Duy Kim L, bà Nguyễn Thị Ngọc C phải chịu 107.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003795 và Biên lai thu số 0003796 cùng ngày 11/4/2024 của Chi cục thi hành án huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Ông L, bà C còn phải nộp số tiền 106.900.000đ án phí.

Hoàn trả cho ông Đặng Phi T số tiền 56.900.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0014426 ngày 19/6/2023 của Chi cục thi hành án huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đức Trọng (01);
- Chi cục THADS huyện Đức Trọng (01)
- Đương sự (03);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt